

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2015	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015	11 - 40

---



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 1 ngày 13 tháng 02 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 476.400.000.000 đồng.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BFC, ngày giao dịch chính thức là ngày 07/10/2015.

### **2. Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3756 0110

Fax : +84 (8) – 3756 0799

Mã số thuế : 0 3 0 2 9 7 5 5 1 7

### **3. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 5 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết các Công ty con được hợp nhất:

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Huyện Cần Đước, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	51%	51%
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	51%	51%
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	51%	51%

### **4. Ngành nghề hoạt động**

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quốc Phong	Chủ tịch		24/04/2015
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	24/04/2015	
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	24/04/2015	
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	24/04/2015	
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	24/04/2015	
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	24/04/2015	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên		24/04/2015
Ông Trần Tấn Sơn	Thành viên		24/04/2015
Ông Thái Bửu Lâm	Thành viên		24/04/2015
Ông Lê Xuân Phương	Thành viên		24/04/2015
Ông Bùi Thế Chuyên	Thành viên		24/04/2015
Ông Phạm Văn Chương	Thành viên		24/04/2015

**4.2 Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Thanh Sơn	Trưởng ban	24/04/2015	
Bà Đào Thị Ngọc Lan	Thành viên	24/04/2015	
Bà Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	24/04/2015	
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên		24/04/2015
Ông Cao Xuân Tiến	Thành viên		24/04/2015
Ông Lê Thanh Hạo Nhiên	Thành viên		24/04/2015

**4.3 Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quốc Phong	Tổng Giám đốc	12/11/2015	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	15/02/2011	
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	28/02/2013	
Ông Ngô Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	28/02/2013	
Ông Trần Tấn Sơn	Kế toán trưởng	30/11/2011	

**6. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Phong – Tổng Giám đốc.

**7. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 40.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng nào hoặc có bản chất bất thường nào khác sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

**10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



**LÊ QUỐC PHONG**  
Tổng Giám đốc



Số: 2082/16/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016 (từ trang 07 đến trang 40) của Tập đoàn.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết cùng ngày được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

#### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.810.625.320.769</b>	<b>2.496.162.491.904</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>425.567.717.430</b>	<b>411.281.268.344</b>
111	1. Tiền		418.667.717.430	381.281.268.344
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.900.000.000	30.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.2a	<b>10.000.000.000</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>481.284.642.434</b>	<b>485.794.077.054</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	431.125.695.754	435.297.676.533
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	35.947.330.676	33.232.883.029
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.a	19.818.875.929	23.246.055.630
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.607.259.925)	(5.982.538.138)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>1.760.076.255.954</b>	<b>1.454.289.967.690</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.760.076.255.954	1.454.289.967.690
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>133.696.704.951</b>	<b>144.797.178.816</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		143.138.196	124.387.754
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		133.234.056.760	144.134.779.366
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		319.509.995	538.011.696
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>758.916.598.635</b>	<b>489.752.445.193</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.032.315.546</b>	<b>3.773.454.546</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	5.032.315.546	3.773.454.546
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>652.335.335.604</b>	<b>426.608.412.244</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	351.772.981.566	171.922.294.145
222	- Nguyên giá		521.218.591.997	309.352.144.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(169.445.610.431)	(137.429.850.399)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	66.904.116.714	20.215.623.510
225	- Nguyên giá		76.381.530.221	25.228.476.068
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.477.413.507)	(5.012.852.558)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	233.658.237.324	234.470.494.589
228	- Nguyên giá		239.979.533.153	239.790.756.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.321.295.829)	(5.320.261.564)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>86.415.660.093</b>	<b>45.602.431.515</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	86.415.660.093	45.602.431.515
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.2b	<b>8.096.805.300</b>	<b>8.308.748.876</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.565.113.571)	(3.353.169.995)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.036.482.092</b>	<b>5.459.398.012</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		5.268.261.344	3.540.212.670
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		591.882.902	507.579.926
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.11	1.176.337.846	1.411.605.416
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.569.541.919.404</b>	<b>2.985.914.937.097</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.462.138.197.120</b>	<b>1.980.273.212.073</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.347.808.033.982</b>	<b>1.941.496.170.215</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	286.517.039.117	159.755.124.665
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	46.378.944.336	1.978.615.654
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	134.343.915.962	143.749.662.368
314	4. Phải trả người lao động	V.15	23.947.066.028	42.653.544.165
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	61.506.965.712	48.695.659.931
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	87.649.748.453	11.265.273.690
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18.a	1.698.058.771.492	1.531.764.472.089
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	9.405.582.882	1.633.817.653
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>114.330.163.138</b>	<b>38.777.041.858</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	4.404.679.400
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	400.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18.b	114.330.163.138	33.972.362.458
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.107.403.722.284</b>	<b>1.005.641.725.024</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>1.107.403.722.284</b>	<b>1.004.907.425.024</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		476.400.000.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		476.400.000.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.211.680.048	7.211.680.048
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		119.095.387.120	75.500.448.264
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.342.989.573	17.263.178.515
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		279.179.962.957	265.332.471.745
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		51.215.446.517	40.044.592.077
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		227.964.516.440	225.287.879.668
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.21	198.173.702.587	163.199.646.452
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>734.300.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	734.300.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.569.541.919.404</b>	<b>2.985.914.937.097</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	6.100.180.476.799	6.426.257.204.205
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	62.296.435.183	49.032.409.125
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.037.884.041.616	6.377.224.795.080
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	5.278.378.130.222	5.696.731.658.016
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		759.505.911.394	680.493.137.064
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	2.510.827.859	11.955.911.601
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	103.337.218.924	106.704.347.032
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		89.632.295.594	98.352.622.719
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	230.404.484.831	169.632.209.236
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	91.273.163.906	59.966.858.316
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		337.001.871.592	356.145.634.081
31	12. Thu nhập khác	VI.8	15.501.929.408	13.128.252.343
32	13. Chi phí khác	VI.9	1.478.179.512	2.701.504.600
40	14. Lợi nhuận khác		14.023.749.896	10.426.747.743
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		351.025.621.488	366.572.381.824
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	70.792.071.544	76.973.411.754
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	1.049.994.477
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		280.233.549.944	288.548.975.593
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		228.964.516.440	229.228.453.525
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		51.269.033.504	59.320.522.068
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	4.326	4.676

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TẤN SƠN



LÊ QUỐC PHONG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		351.025.621.488	366.572.381.824
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		132.130.019.220	118.055.064.747
02	- Khấu hao tài sản cố định		43.374.205.871	38.525.455.952
03	- Các khoản dự phòng		(163.334.637)	(17.451.024.227)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.199.387.721	1.187.031.847
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.912.535.329)	(2.559.021.544)
06	- Chi phí lãi vay		89.632.295.594	98.352.622.719
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		483.155.640.708	484.627.446.571
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		34.187.483.819	(56.162.167.534)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(305.870.591.240)	52.447.656.245
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		210.671.123.124	(52.490.433.369)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.631.351.796)	(1.306.875.765)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(88.665.650.880)	(98.352.622.719)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(80.117.987.232)	(91.416.883.360)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.888.641.550	5.804.038.788
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(35.992.927.758)	(80.248.130.517)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>217.624.380.295</b>	<b>162.902.028.339</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(297.387.679.002)	(47.516.056.309)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.646.654.765	3.627.689.542
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.034.446.798	1.861.584.860
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(304.706.577.439)</b>	<b>(42.026.781.907)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	79.400.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.266.133.615.035	4.040.035.964.583
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(4.018.516.132.032)	(4.078.198.680.077)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(12.595.001.375)	(4.887.848.360)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(133.335.447.420)	(111.597.247.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>101.687.034.208</b>	<b>(75.247.810.854)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>14.604.837.063</b>	<b>45.627.435.578</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>411.281.268.344</b>	<b>365.203.192.790</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(318.387.977)	450.639.976
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>425.567.717.430</b>	<b>411.281.268.344</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





**TRẦN NGỌC HÙNG**

**TRẦN TẤN SƠN**

**LÊ QUỐC PHONG**

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

#### **6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 5 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Số công ty con được hợp nhất là 5 công ty.

#### **Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm kế toán Tập đoàn có 1.153 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.092 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

## **2. Cơ sở hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị số kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## **4. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

## **5. Các khoản đầu tư tài chính**

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

#### **10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

#### **11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.
- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**Số năm**

**Loại tài sản vô hình**

Phần mềm

07 – 10

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**13. Lợi thế thương mại**

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ trong 10 năm.

**14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**15. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu gia công**

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3128  
ÔNG  
NHIỆM  
TOÁN V  
UÂN  
TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

**19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**20. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

**21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

**22. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.623.183.228	3.727.799.734
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	414.044.534.202	377.553.468.610
Các khoản tương đương tiền(*)	6.900.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>425.567.717.430</u></b>	<b><u>411.281.268.344</u></b>

(\*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

**2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đơn vị được đầu tư	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.308.748.876	(3.353.169.995)
<b>Cộng</b>	<b>11.661.918.871</b>	<b>8.096.805.300</b>	<b>(3.565.113.571)</b>	<b>11.661.918.871</b>	<b>8.308.748.876</b>	<b>(3.353.169.995)</b>

(\*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.353.169.995)	(2.551.762.291)
Trích lập dự phòng bổ sung	(211.943.576)	(801.407.704)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.565.113.571)</b>	<b>(3.353.169.995)</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>431.125.695.754</b>	<b>435.297.676.533</b>
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	71.131.496.858	69.150.222.153
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lý	23.236.092.465	-
Công ty TNHH TMDV Phan bón Tuấn Vũ	11.395.377.700	6.417.751.700
Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê	15.899.371.032	10.503.181.100
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	19.124.117.000	8.825.969.400
Các khách hàng khác	290.339.240.699	340.400.552.180
<b>Cộng</b>	<b>431.125.695.754</b>	<b>435.297.676.533</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Trả trước cho các bên liên quan	-		-	
Trả trước cho người bán khác	35.947.330.676		33.232.883.029	
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	15.203.893.494		8.149.000.000	
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	7.050.720.000		-	
Các đối tượng khác	13.692.717.182		25.083.883.029	
<b>Cộng</b>	<b>35.947.330.676</b>		<b>33.232.883.029</b>	

**5. Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn khác****5.a Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.081.373.384	-	19.508.553.085	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	9.147.311.652	-	6.119.919.986	-
- Các khoản phải thu khác	6.934.061.732	-	13.388.633.099	-
<b>Cộng</b>	<b>19.818.875.929</b>	<b>-</b>	<b>23.246.055.630</b>	<b>-</b>

**5.b Phải thu khác dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	5.032.315.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	-	-
- Các khoản ký quỹ khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.032.315.546</b>	<b>-</b>	<b>3.773.454.546</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.419.233.444.843	-	450.726.371.083	-
Công cụ, dụng cụ	5.230.796.508	-	6.668.586.179	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.934.090.284	-	18.110.577.845	-
Thành phẩm	311.356.662.915	-	947.885.863.179	-
Hàng hóa	3.321.261.404	-	30.898.569.404	-
<b>Cộng</b>	<b>1.760.076.255.954</b>	<b>-</b>	<b>1.454.289.967.690</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	24.212.050.613	1.016.425.455	25.228.476.068
Thuê tài chính trong năm	51.153.054.153	-	51.153.054.153
<b>Số cuối năm</b>	<b>75.365.104.766</b>	<b>1.016.425.455</b>	<b>76.381.530.221</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.988.187.831	24.664.727	5.012.852.558
Khấu hao trong năm	4.319.357.309	145.203.640	4.464.560.949
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.307.545.140</b>	<b>169.868.367</b>	<b>9.477.413.507</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	19.223.862.782	991.760.728	20.215.623.510
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.057.559.626</b>	<b>846.557.088</b>	<b>66.904.116.714</b>

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	239.265.756.153	525.000.000	239.790.756.153
Mua trong năm	-	188.777.000	188.777.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>239.265.756.153</b>	<b>713.777.000</b>	<b>239.979.533.153</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	115.000.000	115.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	5.004.074.505	316.187.059	5.320.261.564
Khấu hao trong năm	920.884.637	80.149.628	1.001.034.265
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.924.959.142</b>	<b>396.336.687</b>	<b>6.321.295.829</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	234.261.681.648	208.812.941	234.470.494.589
<b>Số cuối năm</b>	<b>233.340.797.011</b>	<b>317.440.313</b>	<b>233.658.237.324</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp</i>	14.765.109.725	-	14.765.109.725



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.249.281.371	8.759.114.465	7.389.256.925	-	4.619.138.911
Xây dựng cơ bản dở dang	42.353.150.144	253.831.580.691	(214.388.209.653)	-	81.796.521.182
Công trình nhà xưởng tại Ninh Bình	12.797.129.227	201.376.791.884	(214.173.921.111)	-	-
Nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại Tây Ninh	14.076.546.203	30.291.113.472	-	-	44.367.659.675
Các công trình khác	15.479.474.714	22.163.675.335	(214.288.542)	-	37.428.861.507
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	7.642.077.886	-	(7.642.077.886)	-
<b>Cộng</b>	<b>45.602.431.515</b>	<b>270.232.773.042</b>	<b>(221.777.466.578)</b>	<b>(7.642.077.886)</b>	<b>86.415.660.093</b>

**11. Lợi thế thương mại**

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>286.517.039.117</b>	<b>159.755.124.665</b>
- Công ty CP Vinacam	47.189.448.200	-
- Công ty Newquest	16.945.206.569	18.167.050.000
- Công ty CP DAP – VINACHEM	21.706.103.140	-
- Công ty Cổ Phần Nông sản Long Hải	83.933.425.719	-
- Các nhà cung cấp khác	116.742.855.489	141.588.074.665
<b>Cộng</b>	<b>286.517.039.117</b>	<b>159.755.124.665</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>46.378.944.336</b>	<b>1.978.615.654</b>
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	4.279.764.400	-
- Công ty TNHH Phương Yến	1.624.579.325	-
- Nguyễn Văn Hào	2.969.963.143	-
- Đặng Văn Lân	2.406.050.945	-
- Các khách hàng khác	35.098.586.523	1.978.615.654
<b>Cộng</b>	<b>46.378.944.336</b>	<b>1.978.615.654</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	543.830.855	298.789.195
Thuế GTGT xuất, nhập khẩu	-	1.978.615.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.508.376.598	26.802.395.373
Thuế thu nhập cá nhân	1.604.087.854	739.619.053
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	114.687.620.655
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	1.221.238.092
<b>Cộng</b>	<b><u>134.343.915.962</u></b>	<b><u>143.749.662.368</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

**Thuế nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%, Công ty CP Bình Điền Quảng Trị, Công ty CP Bình Điền Ninh Bình chịu thuế suất 20%.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	351.025.621.488	366.572.381.824
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.371.626.130	7.784.524.241
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.405.858.305)</u>	<u>(24.224.386.467)</u>
Thu nhập chịu thuế	351.991.389.313	350.132.519.598
Thu nhập được miễn thuế	(14.925.413.766)	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	337.065.975.547	350.132.519.598
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	74.154.514.619	77.029.154.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(605.132.512)	(55.742.557)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	<u>(3.012.005.516)</u>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	70.537.376.591	76.973.411.755
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	254.694.953	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>70.792.071.544</u></b>	<b><u>76.973.411.755</u></b>

**15. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	28.958.551.270	26.297.983.104
- Trích trước chi phí khuyến mãi	6.947.796.250	14.702.290.000
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	20.878.984.222	4.804.476.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.721.633.970	2.890.910.827
<b>Cộng</b>	<b><u>61.506.965.712</u></b>	<b><u>48.695.659.931</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	32.783.260	32.783.260
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	722.314.407	1.059.175.207
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4.014.272.610	3.725.893.951
- Quỹ an sinh xã hội	292.908.000	89.458.000
- Quỹ người nghèo	1.654.348.183	1.030.112.697
- Quỹ tiếp sức đến trường	688.630.847	555.700.184
- Giá trị tạm tính Nhà máy Ninh Bình	70.358.019.863	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.886.471.283	4.772.150.391
<b>Cộng</b>	<b><u>87.649.748.453</u></b>	<b><u>11.265.273.690</u></b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.688.930.833.406	1.688.930.833.406	1.524.610.309.129	1.524.610.309.129
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây <sup>(1)</sup>	48.411.658.767	48.411.658.767	47.983.270.790	47.983.270.790
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM <sup>(2)</sup>	244.995.997.487	244.995.997.487	501.042.456.934	501.042.456.934
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM <sup>(3)</sup>	2.746.586.900	2.746.586.900	14.600.000.000	14.600.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam <sup>(4)</sup>	56.129.709.552	56.129.709.552	48.305.512.487	48.305.512.487
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam <sup>(5)</sup>	72.480.599.715	72.480.599.715	50.374.023.700	50.374.023.700
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM <sup>(6)</sup>	19.406.250.000	19.406.250.000	66.723.314.805	66.723.314.805
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi <sup>(7)</sup>	78.337.020.382	78.337.020.382	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé <sup>(8)</sup>	113.344.678.210	113.344.678.210	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM <sup>(8)</sup>	448.501.750.400	448.501.750.400	336.412.175.274	336.412.175.274

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận <sup>(9)</sup>	62.690.741.595	62.690.741.595	71.927.104.056	71.927.104.056
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam <sup>(10)</sup>	64.529.460.034	64.529.460.034	89.819.927.863	89.819.927.863
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM <sup>(11)</sup>	44.595.574.400	44.595.574.400	54.649.548.675	54.649.548.675
- Ngân hàng TMCP PT Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long-CN Sài Gòn	-	-	17.996.616.750	17.996.616.750
- Vay nhân viên công ty <sup>(12)</sup>	32.367.941.372	32.367.941.372	37.642.736.883	37.642.736.883
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn <sup>(13)</sup>	59.411.568.446	59.411.568.446	37.730.546.789	37.730.546.789
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị <sup>(14)</sup>	67.299.753.242	67.299.753.242	60.181.705.131	60.181.705.131
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị <sup>(15)</sup>	36.336.777.354	36.336.777.354	17.971.079.061	17.971.079.061
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng <sup>(16)</sup>	81.075.312.850	81.075.312.850	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt <sup>(17)</sup>	55.509.222.900	55.509.222.900	4.837.114.500	4.837.114.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình <sup>(18)</sup>	100.760.229.800	100.760.229.800	-	-
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Hiệp Thành	-	-	56.765.975.431	56.765.975.431
- Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Lâm Đồng	-	-	9.647.200.000	9.647.200.000
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>9.127.938.086</b>	<b>9.127.938.086</b>	<b>7.154.162.960</b>	<b>7.154.162.960</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.698.058.771.492</b>	<b>1.698.058.771.492</b>	<b>1.531.764.472.089</b>	<b>1.531.764.472.089</b>

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay Số BIT.DN.243.290514 ngày 01 tháng 06 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 14.310076/2014- HĐTDHM/NHCT900-BFC ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM theo Hợp đồng số 0646/14/HĐTDHM-DNL/166 ngày 29 tháng 10 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTT ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

HCM/2012/013/TTTD/PL2 ngày 08 tháng 04 năm 2014, hạn mức 60.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 140149 ngày 27 tháng 02 năm 2014 điều chỉnh lần 2 của Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 07120742 ngày 30/04/2012. Hạn mức 10,000,000.00 USD (hoặc tương đương VND). Mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho công ty nhập khẩu và mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(7) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi theo Hợp đồng vay Số HM.0151.15/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé theo Hợp đồng vay Số 43/2015/5762220/HĐTD ngày 13 tháng 07 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(9) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2014, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(10) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201500604 ngày 14/07/2015, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7%/năm. Vay tín chấp.

(11) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC\_HĐTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(12) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – Tp. HCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số BFL/14-76 ngày 06 tháng 08 năm 2014, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu động mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(13) Là khoản vay các nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

(14) Là khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270097/2015- HĐDTHM/NHCT923 ngày 16/09/2015. Hạn mức tín dụng : 60.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp: Thế chấp toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cp Bình Điền MeKong với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 30.000.000.000 đồng.

(15) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-201501069 ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay: 90.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-201401011 ngày 28/05/2014), Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo: nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Quảng Trị theo hợp đồng thế chấp tài sản 01/2013/HĐTC ngày 21/11/2013.

(16) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1508/2015-HĐTDHM/NHCT450-CTCP BINH DIEN QUANG TRI ngày 15/08/2015, Hạn mức cho vay 40.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuộc hợp đồng tín dụng số 1508/2014-HĐTDHM/450-CT BINH DIEN ngày 15/08/2014). Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, vay tín chấp.

(17) Là khoản vay không có tài sản đảm bảo của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng theo hợp đồng vay số 00620/2015/0001454-HĐTDHM/NHCT620-CTY CP BÌNH ĐIỀN ngày 05/06/2015. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ áp dụng thời gian vay không quá 6 tháng.

(18) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Đà Lạt: Hợp đồng tín dụng số 0093A/TDA/14LD ngày 28/08/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0131A/TDN/15LD ngày 07/09/2015. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ có thời hạn vay không quá 12 tháng. Tài sản đảm: Quyền sử dụng 31.829 m<sup>2</sup> đất thuê (một phần các thửa số 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X 267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2004 cho Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng.

(19) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTDHM/NHCTT400-BINHDIEN ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thế chấp theo hợp đồng thế chấp 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 5/6/2015 và 09/2015-HĐTCĐS/NHCT400 ngày 5/6/2015.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Đánh giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
			chênh lệch tỷ giá		
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.486.967.572.246	4.181.620.436.719	(958.984.899)	(4.011.074.132.032)	1.656.558.892.034
Vay ngắn hạn các cá nhân	37.642.736.883	2.167.204.489	-	(7.442.000.000)	32.367.941.372
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.154.162.960	14.572.776.501	-	(12.595.001.375)	9.131.938.086
<b>Cộng</b>	<b>1.531.764.472.089</b>	<b>4.198.364.417.709</b>	<b>(958.984.899)</b>	<b>(4.031.111.133.407)</b>	<b>1.698.058.771.492</b>

**18.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>82.345.973.827</b>	<b>82.345.973.827</b>	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn <sup>(1)</sup>	21.776.989.863	21.776.989.863	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình <sup>(2)</sup>	60.568.983.964	60.568.983.964	-	-
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>31.984.189.311</b>	<b>31.984.189.311</b>	<b>33.972.362.458</b>	<b>33.972.362.458</b>
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN <sup>(3)</sup>	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000	19.430.411.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu <sup>(4)</sup>	7.308.526.914	7.308.526.914	10.486.139.658	10.486.139.658
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế VN <sup>(5)</sup>	5.245.251.397	5.245.251.397	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quảng Trị	-	-	4.055.811.800	4.055.811.800
<b>Cộng</b>	<b>114.330.163.138</b>	<b>114.330.163.138</b>	<b>33.972.362.458</b>	<b>33.972.362.458</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015- HỘTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp : Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015; Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HỘTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay 186.000.000.000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Ninh Bình, Thời hạn vay 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo; theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HỘTCBĐS/NHCT400 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 231.612.000.000 đồng; Hợp đồng số 09/2015 – HỘTCĐS/NHCT400 tháng 06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 39.409.000.000 đồng.

(3) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.

(4) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HỘTTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HỘCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(5) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HỘTTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

**Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	114.330.163.138	33.972.362.458
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>114.330.163.138</b>	<b>33.972.362.458</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn	-	82.345.973.827	-	82.345.973.827
Nợ thuê tài chính	33.972.362.458	12.588.603.354	(14.576.776.501)	31.984.189.311
<b>Cộng</b>	<b>33.972.362.458</b>	<b>94.934.577.181</b>	<b>(14.576.776.501)</b>	<b>114.330.163.138</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Khấu hao TSCĐ phúc lợi</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	349.028.492	19.179.524.243	452.300.000	(13.672.457.506)	-	6.308.395.229
Quỹ phúc lợi	1.284.789.161	14.203.996.382	-	(12.180.709.590)	(210.888.300)	3.097.187.653
<b>Cộng</b>	<b>1.633.817.653</b>	<b>33.383.520.625</b>	<b>452.300.000</b>	<b>(25.853.167.096)</b>	<b>(210.888.300)</b>	<b>9.405.582.882</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	309.660.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	166.740.000.000	35,00	166.740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>476.400.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>476.400.000.000</b>

**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	476.400.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	476.400.000.000
<b>Vốn điều lệ còn phải góp:</b>	<b>-</b>

**20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	397.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	476.400.000.000	397.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(133.392.000.000)	(111.160.000.000)



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**20d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

**20e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

**21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	163.199.646.452	116.090.660.736
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	51.269.033.504	59.320.522.068
Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	19.000.000.000	30.000.000.000
Tặng khác	-	12.643.176
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(26.044.044.096)	(37.237.228.560)
Phân phối các quỹ	(9.250.933.273)	(4.986.950.968)
<b>Số cuối năm</b>	<b>198.173.702.587</b>	<b>163.199.646.452</b>

**22. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.951.517	3.528.169,63
Euro (EUR)	83,77	94,65
Lak	-	100.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	6.093.766.023.739	6.423.858.653.296
- Doanh thu khác	6.414.453.060	2.398.550.909
<b>Cộng</b>	<b>6.100.180.476.799</b>	<b>6.426.257.204.205</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong năm Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	58.137.115.805	45.159.163.925
- Hàng bán bị trả lại	3.590.505.278	3.812.245.200
- Giảm giá hàng bán	568.814.100	61.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.296.435.183</b>	<b>49.032.409.125</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	5.274.168.555.701	5.696.731.658.016
- Giá vốn các hoạt động khác	4.209.574.521	-
<b>Cộng</b>	<b>5.278.378.130.222</b>	<b>5.696.731.658.016</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	89.632.295.594	98.352.622.719
- Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	211.943.576	801.407.704
- Chi phí lãi thuê tài chính	2.301.566.071	1.869.956.025
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.540.163.746	3.489.871.372
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	285.125.700	2.166.576.215
- Chiết khấu thanh toán	6.238.076.100	-
- Khác	128.048.137	23.912.997
<b>Cộng</b>	<b>103.337.218.924</b>	<b>106.704.347.032</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	11.848.497.632	1.241.740.585
- Chi phí công cụ, dụng cụ, vật liệu	558.748.288	32.472.606
- Chi phí mua ngoài	203.189.922.229	160.238.423.376
- Chi phí bằng tiền khác	14.807.316.682	8.119.572.669
<b>Cộng</b>	<b>230.404.484.831</b>	<b>169.632.209.236</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	40.125.570.338	23.576.946.605
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.439.496.486	624.676.135
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.620.176.314	2.534.815.515
- Thuế, phí và lệ phí	198.151.308	245.093.109
- Lập dự phòng	-	4.493.386
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	(744.526.067)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.263.888.392	27.169.041.496
- Lợi thế thương mại	235.267.570	235.267.570
- Chi phí bằng tiền khác	7.135.139.565	5.576.524.500
<b>Cộng</b>	<b><u>91.273.163.906</u></b>	<b><u>59.966.858.316</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	878.088.531	1.790.000.299
- Thu nhập từ bán phế liệu	10.587.965.364	7.417.501.091
- Thu nhập từ bồi thường hao hụt	2.243.885.102	37.784.994
- Thu nhập khác	1.791.990.411	3.882.965.959
<b>Cộng</b>	<b><u>15.501.929.408</u></b>	<b><u>13.128.252.343</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khác	1.478.179.512	2.701.504.600
<b>Cộng</b>	<b><u>1.478.179.512</u></b>	<b><u>2.701.504.600</u></b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	228.964.516.440	229.228.453.525
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(22.896.451.644)	(30.578.927.597)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(22.896.451.644)	(30.578.927.597)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	206.068.064.796	198.649.525.928
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	47.640.000	42.484.428
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>4.326</u></b>	<b><u>4.676</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm ước tính bằng  $10\% \times$  Lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh của năm 2015, và có thể điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2016.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước được trích từ Kết quả kinh doanh năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.489.562.396.974	5.486.385.018.889
- Chi phí nhân công	200.301.792.114	218.829.162.358
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.351.282.379	38.180.597.540
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	439.903.930.673	293.588.159.686
- Chi phí khác	64.321.836.633	35.267.228.200
<b>Cộng</b>	<b><u>5.237.441.238.773</u></b>	<b><u>6.072.250.166.673</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nợ thuê tài chính	12.588.603.354	22.399.150.470
<b>Cộng</b>	<b><u>12.588.603.354</u></b>	<b><u>22.399.150.470</u></b>

**2. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	4.266.133.615.035	4.040.035.964.583
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.266.133.615.035</u></b>	<b><u>4.040.035.964.583</u></b>

**3. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	4.018.516.132.032	4.078.198.680.077
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.018.516.132.032</u></b>	<b><u>4.078.198.680.077</u></b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(\*)

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.332.015.000	3.157.068.481
Thù lao, tiền thưởng	858.500.000	450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.190.515.000</b>	<b>3.607.068.481</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

- Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm Tập đoàn có phát sinh các giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	86.704.800.000	72.254.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.704.800.000</b>	<b>72.254.000.000</b>

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

**4. Báo cáo theo bộ phận**

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Tập đoàn phát sinh trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh phân bón.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.229.131.227.868	808.752.813.748	6.037.884.041.616
Giá vốn hàng bán	4.573.542.114.600	704.836.015.622	5.278.378.130.222
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>655.589.113.268</b>	<b>103.916.798.126</b>	<b>759.505.911.394</b>
Năm trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.474.798.413.438	902.426.381.642	6.377.224.795.080
Giá vốn hàng bán	4.890.600.291.705	806.131.366.311	5.696.731.658.016
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>584.198.121.733</b>	<b>96.295.015.331</b>	<b>680.493.137.064</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**5. Số liệu so sánh****5a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

**5b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	15.173.914.310	8.072.141.320	23.246.055.630
- Hàng tồn kho	140	1.454.797.547.616	(507.579.926)	1.454.289.967.690
- Tài sản ngắn hạn khác	155	8.072.141.320	(8.072.141.320)	-
- Phải thu dài hạn khác	216	-	3.773.454.546	3.773.454.546
- Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	507.579.926	507.579.926
- Tài sản dài hạn khác	268	3.773.454.546	(3.773.454.546)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	418	69.091.926.375	6.408.521.889	75.500.448.264
- Quỹ dự phòng tài chính		6.408.521.889	(6.408.521.889)	-
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
- Thu nhập khác	31	40.162.250.603	(27.033.998.260)	13.128.252.343
- Chi phí khác	32	29.735.502.860	(27.033.998.260)	2.701.504.600
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.396	(711)	4.685

**6. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.18a, V.18b).

**7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

**8. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



**TRẦN NGỌC HÙNG**

Kế toán trưởng



**TRẦN TẤN SƠN**

Tổng Giám đốc



**LÊ QUỐC PHONG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục số 1

**PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	157.525.459.340	118.777.211.117	30.350.179.493	2.391.756.594	307.538.000	309.352.144.544
2. Tăng trong năm	198.248.782.154	11.698.197.618	6.088.727.176	518.531.364	1.973.626.000	218.527.864.312
- Tăng do mua mới	2.871.015.618	4.488.865.231	6.088.727.176	518.531.364	-	13.967.139.389
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	195.377.766.536	7.209.332.387	-	-	1.973.626.000	204.560.724.923
3. Giảm trong năm	2.260.650.000	3.465.766.859	935.000.000	-	-	6.661.416.859
- Thanh lý, nhượng bán	2.260.650.000	3.465.766.859	935.000.000	-	-	6.661.416.859
4. Số dư cuối năm	353.513.591.494	127.009.641.876	35.503.906.669	2.910.287.958	2.281.164.000	521.218.591.997
Trong đó:						
TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.026.609.561	2.489.272.726	305.578.090	-	11.821.460.377
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1 Số dư đầu năm	56.666.181.661	61.415.959.578	18.188.996.381	1.113.095.792	45.616.987	137.429.850.399
2. Tăng trong năm	16.653.403.290	16.328.886.192	4.363.443.311	499.230.293	63.647.571	37.908.610.657
- Khấu hao trong kỳ	16.653.403.290	16.328.886.192	4.363.443.311	499.230.293	63.647.571	37.908.610.657
3. Giảm trong năm	2.260.650.000	2.697.200.625	935.000.000	-	-	5.892.850.625
- Thanh lý, nhượng bán	2.260.650.000	2.697.200.625	935.000.000	-	-	5.892.850.625
4. Số dư cuối năm	71.058.934.951	75.047.645.145	21.617.439.692	1.612.326.085	109.264.558	169.445.610.431
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	100.859.277.679	57.361.251.539	12.161.183.112	1.278.660.802	261.921.013	171.922.294.145
2. Tại ngày cuối năm	282.454.656.543	51.961.996.731	13.886.466.977	1.297.961.873	2.171.899.442	351.772.981.566
Trong đó:						
Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp	18.745.165.881	5.001.958.743	39.999.990	-	231.167.209	24.018.291.823

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục số 2

**PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>397.000.000.000</b>	<b>7.209.536.048</b>	<b>36.132.841.991</b>	<b>3.884.372.667</b>	<b>8.662.044.721</b>	<b>216.223.840.317</b>	<b>116.090.660.736</b>	<b>785.203.296.480</b>
<b>2. Tăng trong năm trước</b>	<b>79.400.000.000</b>	<b>2.144.000</b>	<b>39.367.606.273</b>	<b>2.524.149.222</b>	<b>8.601.133.794</b>	<b>229.241.612.749</b>	<b>89.320.522.068</b>	<b>448.457.168.106</b>
- Tăng vốn trong năm	79.400.000.000	2.144.000	-	-	-	-	30.000.000.000	109.402.144.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	32.959.084.384	2.524.149.222	8.601.133.794	-	-	44.084.367.400
- Tăng theo Thông tư 200/2014/BTC	-	-	6.408.521.889	-	-	-	-	6.408.521.889
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	-	229.228.453.525	59.320.522.068	288.548.975.593
- Tăng khác	-	-	-	-	-	13.159.225	-	13.159.225
<b>3. Giảm trong năm trước</b>	-	-	-	<b>6.408.521.889</b>	-	<b>180.132.981.321</b>	<b>42.211.536.352</b>	<b>228.753.039.562</b>
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	180.132.981.321	42.211.536.352	222.344.517.673
- Điều chỉnh giảm theo Thông tư 200/2014/BTC	-	-	-	6.408.521.889	-	-	-	6.408.521.889
<b>4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b>	<b>476.400.000.000</b>	<b>7.211.680.048</b>	<b>75.500.448.264</b>	-	<b>17.263.178.515</b>	<b>265.332.471.745</b>	<b>163.199.646.452</b>	<b>1.004.907.425.024</b>
<b>5. Tăng trong năm nay</b>	-	-	<b>43.594.938.856</b>	-	<b>10.079.811.058</b>	<b>228.964.516.440</b>	<b>70.269.033.504</b>	<b>352.908.299.858</b>
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	-	228.964.516.440	51.269.033.504	280.233.549.944
- Tăng từ góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	43.594.938.856	-	10.079.811.058	-	-	53.674.749.914
<b>6. Giảm trong năm nay</b>	-	-	-	-	-	<b>215.117.025.228</b>	<b>35.294.977.370</b>	<b>250.412.002.598</b>
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	215.117.025.228	35.294.977.370	250.412.002.598
<b>7. Số dư cuối năm nay</b>	<b>476.400.000.000</b>	<b>7.211.680.048</b>	<b>119.095.387.120</b>	-	<b>27.342.989.573</b>	<b>279.179.962.957</b>	<b>198.173.702.586</b>	<b>1.107.403.722.284</b>

Người lập biểu

TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính